

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Sửa chữa, nâng cấp liên hồ Nấp Mới - Nông Dân, xã Triệu Thành, huyện Triệu Sơn.**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quy định chi tiết một số nội dung quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 về sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;*

*Căn cứ Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 29/01/2021 của HĐND huyện Triệu Sơn về việc Quyết định chủ trương đầu tư dự án: Sửa chữa, nâng cấp liên hồ Nấp Mới - Nông Dân, xã Triệu Thành, huyện Triệu Sơn;*

*Căn cứ Quyết định số 978/QĐ-UBND ngày 14/3/2021 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn về việc Phê duyệt nhiệm vụ thiết kế, nhiệm vụ khảo sát và chi phí khảo sát, lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình: Sửa chữa, nâng cấp liên hồ Nấp Mới - Nông Dân, xã Triệu Thành, huyện Triệu Sơn;*

*Theo đề nghị của phòng Kinh tế và hạ tầng tại báo cáo thẩm định số 149/TĐ-KTHT ngày 24 /5/2021 và Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện tại Tờ trình số 261/TTr-BQLDA ngày 14/5/2021.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình: Sửa chữa, nâng cấp liên hồ Nấp Mới - Nông Dân, xã Triệu Thành, huyện Triệu Sơn với các nội dung chủ yếu sau:

**1. Tên công trình:** Sửa chữa, nâng cấp liên hồ Nấp Mới - Nông Dân, xã Triệu Thành, huyện Triệu Sơn.

**2. Loại, cấp công trình:** Công trình nông nghiệp và PTNT, cấp IV.

**3. Địa điểm xây dựng:** Xã Triệu Thành, huyện Triệu Sơn.

**4. Chủ đầu tư:** UBND huyện Triệu Sơn.

**5. Nhà thầu khảo sát, lập Báo cáo KTKT:** Công ty CP Gia Trần 386.

## 6. Các giải pháp thiết kế chủ yếu

### 6.1. Quy mô đầu tư

- Cấp công trình: Cấp IV;
- Tần suất lũ thiết kế:  $P = 2\%$ ;
- Tần suất lũ kiểm tra:  $P = 1\%$ ;
- Tần suất đảm bảo tưới:  $P = 75\%$ ;
- Hệ số ổn định cho phép:  $[K]_{cb} \geq 1,25$ ;  $[K]_{đb} \geq 1,13$ .

### 6.2. Các chỉ tiêu thiết kế kè chủ yếu:

TT	Thông số	Đơn vị	Nấp Mới	Nông Dân
<b>1</b>	<b>Hồ chứa</b>			
-	Diện tích lưu vực	Km <sup>2</sup>	0,25	0,56
-	Cao trình MNDBT (theo ngưỡng tràn hiện trạng)	m	21.40	19.65
<b>2</b>	<b>Đập đất</b>			
-	Cao trình đỉnh đập đất	m	22.30	20.50
-	Chiều rộng đỉnh đập	m	3,0	3,0
-	Chiều dài đập	m	241,00	181,35
-	Hệ số mái thượng, hạ lưu		2,0	2,0
<b>3</b>	<b>Tràn xả lũ</b>		Phải đập	Trái đập
-	Hình thức tràn		Chảy tự do	Hiện trạng
-	Cao trình ngưỡng tràn	m	21.40	19.65
-	Lưu lượng xả thiết kế đơn hồ/liên hồ (P=2%)	m <sup>3</sup> /s	3,8/85,5	12,1/93,0
-	Lưu lượng xả kiểm tra đơn hồ/liên hồ (P=1%)	m <sup>3</sup> /s	4,5/102,9	10,0/111,3
-	Cột nước tràn thiết kế đơn hồ/liên hồ (P=2%)	m	0,4/3,5	
-	Cột nước tràn kiểm tra đơn hồ/liên hồ (P=1%)	m	0,45/3,69	

-	Chiều rộng tràn	m	10,0	
-	Chiều rộng ngưỡng tràn	m	3,0	
-	Bể tiêu năng			
	+ Chiều dài/rộng bể	m	10,0/10,0	10,0/7,3
	+ Cao trình đáy bể	m	17.70	16.65
<b>4</b>	<b>Cống lấy nước</b>		Trái, phải đập	Phải đập
-	Số lượng cống	Cống	2	1
-	Hình thức chảy cống		Cống tròn, chảy có áp	Cống tròn, chảy có áp
-	Hình thức đóng mở		V0	V0
-	Cao trình đáy cửa lấy nước	m	21.0	19.0
-	Lưu lượng thiết kế	m <sup>3</sup> /s	0,024	0,024
<b>5</b>	<b>Kênh tưới</b>			
-	Chiều dài kênh trái /phải tuyến	m	180,6/100,4	0/104,3
-	Kích thước kênh chữ nhật (bxh)	cm	40x40	40x40
	Cống trên kênh			
<b>6</b>	<b>Đường thi công, QLVH</b>			
-	Tổng chiều dài	m	239,50	650,30
-	Chiều rộng nền	m	4,0	4,0
-	Chiều rộng mặt gia cố	m	3,0	3,0
-	Độ dốc mặt	%	2	2
-	Chiều rộng lề	m	2x0,5	2x0,5
-	Hệ số mái đắp		1,5	1,5

### 6.3. Nội dung đầu tư

Nâng cấp, sửa chữa đập, tràn xả lũ, cống lấy nước, kênh tưới; đường thi công kết hợp quản lý vận hành công trình liên hồ Nấp Mới - Nông Dân, xã Triệu Thành, huyện Triệu sơn.

## 6.4. Giải pháp kỹ thuật chủ yếu

### 6.4.1. Hồ Nấp Mới

a) *Đập đất*: Sửa chữa, nâng cấp đập cũ. Hình thức kết cấu cụ thể như sau:

- Thân đập: Đắp áp trực và mở rộng mặt đập theo mặt cắt thiết kế bằng đất đầm lèn đảm bảo độ chặt  $K \geq 0,95$ ; dung trọng thiết kế  $\gamma_{tk} \geq 1,63 \text{ T/m}^3$ . Đỉnh đập được gia cố bằng bê tông thường (BTT) M250 dày 20 cm, lót 1 lớp ni lông tái sinh, móng bằng cấp phối đá dăm (CPĐD) loại 2 dày 16 cm; dọc theo chiều dài tuyến đập cắt các khe lún sâu 17cm (cứ 7,5 m/1 khe).

- Mái đập thượng lưu: Gia cố mái đập bằng các ô BTCT có chân khay M250 dày 15cm dưới là lớp BT lót M100 dày 10cm; liên kết kín nước giữa các ô BTCT là băng cản nước PVC và chèn hai lớp giấy dầu tẩm nhựa đường. Dầm chân khay được đặt trên hệ cọc tre đường kính 6-8cm, dài 2,5m (mật độ 16 cọc/m<sup>2</sup>) và xếp đá hộc chèn chặt phía ngoài dầm chân khay.

- Mái hạ lưu: Gia cố mái đập bằng các ô BTCT có chân khay M250 dày 15cm dưới là lớp BT lót M100 dày 10cm; liên kết kín nước giữa các ô BTCT là hai lớp giấy dầu tẩm nhựa đường; bố trí lỗ thoát nước giảm áp chân mái đập. Tiêu năng mái hạ lưu bằng xếp rọ đá kích thước rọ (2x1x0,5)m đặt trên tầng lọc ngược từ trên xuống: Đá dăm (1x2) cm dày 20 cm, đá dăm (0,5x1) cm dày 20 cm, cát hạt thô dày 20 cm.

- Làm mới 2 dốc lên xuống bên phải, trái đập tại vị trí hiện trạng đã có dốc. Nền dốc bằng đất đắp đầm lèn đảm bảo độ chặt  $K \geq 0,95$ , gia cố mặt bằng BTT M250 dày 20cm, lót 1 lớp ni lông tái sinh, móng bằng CPĐD loại 2 dày 16 cm.

b) *Tràn xả lũ*:

Phá bỏ tràn cũ, làm mới tại vị trí cọc 5 phía phải đập; kiểu đường tràn, mặt cắt thực dụng xả lũ tự do. Kết cấu cụ thể như sau: Ngưỡng tràn có lõi bằng bê tông thường M150 mặt ngoài bọc BTCT M250 dày 30cm; bề tiêu năng bằng BTCT M250, bố trí lỗ thoát nước giảm áp bên hông tường và đáy bể; gia cố sân trước cửa vào tràn bằng BTT M200.

Đáy các bộ phận bằng BTCT lót 10 cm BTT M100, đáy các bộ phận bằng BTT lót 1 lớp ni lông tái sinh; kín nước phần nối tiếp giữa ngưỡng tràn và bề tiêu năng bằng băng cản nước PVC; các khe lún khác chèn hai lớp giấy dầu tẩm nhựa đường.

c) *Cống lấy nước dưới đập*:

- Xây dựng 02 cống lấy nước tại vị trí cống cũ phải và trái đập. Hình thức cống ngầm chảy có áp.

- Kết cấu cống: Thân cống tròn lắp ghép bằng các ống BTCT TL D300 dài 1m đúc sẵn đặt trên bản đế BTT M200; cửa vào cống bố trí khe phai sửa chữa; điều tiết cống bằng van phẳng V0.

d) *Kênh tưới*:

- Làm mới 2 tuyến kênh tưới bên phải và trái đập trên cơ sở tuyến kênh hiện có sau cống lấy nước. Kênh mặt cắt hình chữ nhật, kích thước (BxH) =

(40x40) cm, đáy và thành kênh dày 15cm bằng BTT M200 dày 15 cm, dưới đáy lót nylon tái sinh. Dọc theo chiều dài kênh cứ 10 m cắt một khe lún chèn hai lớp giấy dầu tấm nhựa đường.

- Công trình trên tuyến kênh bên trái: Trên tuyến bố trí 1 cống qua đường tại vị trí K0+45,6 dài 4,0m. Mặt cắt ngang cống hình chữ nhật (bxh) = (0,5x0,4)m, kết cấu cống bằng BTCT M250.

*e) Đường thi công kết hợp QLVH:*

Sử dụng nền tuyến đường hiện có làm đường thi công; sau khi thi công hoàn thành công trình được hoàn trả và sử dụng làm đường QLVH. Giải pháp kỹ thuật: Trên cơ sở đường cũ hiện có được san đắp (hệ số mái đắp  $m = 1,5$ ; đất đắp đảm bảo độ chặt  $K \geq 0,95$ ); mặt đường gia cố bằng CPĐD loại 2 dày 20cm, rộng 3,0m.

### 6.4.2. Hồ Nông Dân

*a) Đập đất:* Sửa chữa, nâng cấp đập cũ. Hình thức kết cấu cụ thể như sau:

- Thân đập: Đắp áp trực và mở rộng mặt đập theo mặt cắt thiết kế bằng đất đầm lèn đảm bảo độ chặt  $K \geq 0,95$ ; dung trọng thiết kế  $\gamma_{tk} \geq 1,63 \text{ T/m}^3$ . Đỉnh đập được gia cố bằng bê tông thường (BTT) M250 dày 20 cm, lót 1 lớp ni lông tái sinh, móng bằng cấp phối đá dăm (CPĐD) loại 2 dày 16 cm; dọc theo chiều dài tuyến đập cắt các khe lún sâu 17cm (cứ 7,5 m/1 khe).

- Mái đập thượng lưu: Gia cố mái đập bằng các ô BTCT có chân khay M250 dày 15cm dưới là lớp BT lót M100 dày 10cm; liên kết kín nước giữa các ô BTCT là băng cản nước PVC và chèn hai lớp giấy dầu tấm nhựa đường. Dầm chân khay được đặt trên hệ cọc tre đường kính 6-8cm, dài 2,5m (mật độ 16 cọc/m<sup>2</sup>) và xếp đá hộc chèn chặt phía ngoài dầm chân khay.

- Mái hạ lưu: Gia cố mái đập bằng các ô BTCT có chân khay M250 dày 15cm dưới là lớp BT lót M100 dày 10cm; liên kết kín nước giữa các ô BTCT là hai lớp giấy dầu tấm nhựa đường; bố trí lỗ thoát nước giảm áp chân mái đập. Tiêu năng mái hạ lưu cụ thể:

+ Từ K0+15,0 - K0+64,0, bằng xếp rọ đá kích thước rọ (2x1x0,5)m đặt trên tầng lọc ngược từ trên xuống: Đá dăm (1x2) cm dày 20 cm, đá dăm (0,5x1) cm dày 20 cm, cát hạt thô dày 20 cm.

+ Từ K0+64,0 - K0+120,0, bằng xếp rọ đá kích thước rọ (2x1x0,5)m đặt trên tầng lọc ngược từ trên xuống: Đá hộc chèn chặt, đá dăm (1x2) cm dày 20 cm, đá dăm (0,5x1) cm dày 20 cm, cát hạt thô dày 20 cm.

+ Từ K0+136,0 - K0+177,0, bằng lăng thể thoát nước từ trên xuống: Đá lát khan dày 30cm, đá hộc chèn chặt, đá dăm (1x2) cm dày 20 cm, đá dăm (0,5x1) cm dày 20 cm, cát hạt thô dày 20 cm.

- Làm mới 2 dốc lên xuống vai phải đập tại vị trí hiện trạng đã có dốc. Nền dốc bằng đất đắp đầm lèn đảm bảo độ chặt  $K \geq 0,95$ , gia cố mặt bằng BTT M250 dày 20cm, lót 1 lớp ni lông tái sinh, móng bằng CPĐD loại 2 dày 16 cm.

*b) Tràn xả lũ:* Giữ nguyên tràn hiện trạng. Gia cố bề tiêu năng bằng BTCT M250, bố trí lỗ thoát nước giảm áp bên hông tường và đáy bể; gia sau bề bằng xếp rọ đá kích thước rọ (2x1x0,5)m dưới là đá hộc xếp chèn chặt.

Đáy các bộ phận bằng BTCT lót 10 cm BTT M100, đáy các bộ phận bằng BTT lót 1 lớp nilông tái sinh; kín nước phần nối tiếp giữa ngưỡng tràn và bề tiêu năng bằng băng cản nước PVC; các khe lún khác chèn hai lớp giấy dầu tấm nhựa đường.

*c) Cống lấy nước dưới đập:*

- Xây dựng 1 cống lấy nước tại vị trí cống cũ phải đập. Hình thức cống ngầm chảy có áp.

- Kết cấu cống: Thân cống tròn lắp ghép bằng các ống BTCT TL D300 dài 1m đúc sẵn đặt trên bản đế BTT M200; cửa vào cống bố trí khe phai sửa chữa; điều tiết cống bằng van phẳng V0.

*d) Kênh tưới:*

Làm mới 1 tuyến kênh tưới bên phải đập trên cơ sở tuyến kênh hiện có sau cống lấy nước. Kênh mặt cắt hình chữ nhật, kích thước (BxH) = (40x40) cm, đáy và thành kênh dày 15cm bằng BTT M200 dày 15 cm, dưới đáy lót nilon tái sinh. Dọc theo chiều dài kênh cứ 10 m cắt một khe lún chèn hai lớp giấy dầu tấm nhựa đường.

*e) Đường thi công kết hợp QL VH:*

- Đắp hoàn thiện mặt cắt ngang tuyến đường hiện có làm đường thi công bằng đất đồi (chiều rộng nền  $B_n = 4,0m$ ; hệ số mái đắp  $m = 1,5$ ; đất đắp đảm bảo độ chặt  $K \geq 0,95$ ), mặt gia cố rộng 3,0m bằng CPĐD loại 2 dày 20cm. Sau khi thi công hoàn thành công trình được chỉnh trang lại để sử dụng làm đường QL VH.

- Công trình trên tuyến đường: Làm mới 5 cống qua đường tại K0+192,9; K0+355,8; K0+504,8; K0+569,3; K0+630,1. Mặt cắt ngang cống hình chữ nhật (bxh) = (0,5x0,5)m, kết cấu cống bằng BTCT M250.

## **6. Giá trị dự toán và nguồn vốn**

### **6.1. Giá trị dự toán: 7.997.110.000 đ.**

*(Bảy tỷ chín trăm chín mươi bảy triệu một trăm mười nghìn đồng)*

Trong đó:

- Chi phí xây lắp	6.628.847.000 đ
- Chi phí QLDA	187.295.000 đ
- Chi phí TVĐTXD	838.490.000 đ
- Chi phí khác	185.672.000 đ
- Chi phí dự phòng	156.806.000 đ

*(có biểu chi tiết kèm theo)*

**6.2. Nguồn vốn:** Nguồn kinh phí thực hiện chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa tỉnh hỗ trợ.

**7. Hình thức quản lý dự án:** Ban Quản lý đầu tư xây dựng huyện.

**8. Thời gian thực hiện:** Năm 2021.

**Điều 2.** Giao Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện:

- Tổ chức triển khai thực hiện đúng nội dung công việc đã được phê duyệt, tổ chức giám sát và nghiệm thu khối lượng công việc theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước đảm bảo tiến độ, chất lượng.

- Tổ chức lập Kế hoạch bảo vệ môi trường khi xây dựng công trình theo quy định và triển khai thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo kế hoạch được lập.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch, NN và PTNT, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc kho bạc huyện; Giám đốc Ban QLDA ĐTXD huyện Triệu Sơn, Chủ tịch UBND xã Triệu Thành và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận :**

- Như điều 3 QĐ;
- Lưu: VT, KTHT (TDg).

**CHỦ TỊCH****Vũ Đức Kính**

**DỰ TOÁN****CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA, NÂNG CẤP LIÊN HỒ NÁP MỚI - NÔNG DÂN, XÃ TRIỆU THÀNH, HUYỆN TRIỆU SƠN***Đơn vị tính: Đồng*

<b>T T</b>	<b>HẠNG MỤC CHI PHÍ</b>	<b>GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ</b>	<b>THUẾ VAT</b>	<b>GIÁ TRỊ SAU THUẾ</b>
<b>I</b>	<b>CHI PHÍ XÂY DỰNG</b>	<b>6.026.224.545</b>	<b>602.622.455</b>	<b>6.628.847.000</b>
<b>II</b>	<b>CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN</b>	<b>187.295.059</b>		<b>187.295.059</b>
<b>III</b>	<b>CHI PHÍ TVĐTXD</b>	<b>762.263.463</b>	<b>76.226.346</b>	<b>838.489.809</b>
1	Khảo sát	319.012.727	31.901.273	350.914.000
2	Lập nhiệm vụ khảo sát	9.570.000	957.000	10.527.000
3	Giám sát khảo sát	12.990.000	1.299.000	14.289.000
4	Lập Báo cáo KT-KT	242.374.751	24.237.475	266.612.226
5	Lập HSMT và đánh giá HSDT gói thầu xây lắp	21.754.671	2.175.467	23.930.138
6	Giám sát thi công xây dựng	156.561.314	15.656.131	172.217.445
<b>IV</b>	<b>CHI PHÍ KHÁC</b>	<b>173.281.695</b>	<b>12.390.551</b>	<b>185.672.246</b>
1	Thẩm định báo cáo KT-KT	1.519.451		1.519.451
2	Thẩm định HSMT và kết quả LCNT	6.026.225		6.026.225
2	Bảo hiểm công trình trong thời gian xây dựng	62.672.735	6.267.274	68.940.009
3	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	18.346.312		18.346.312
4	Kiểm toán	61.232.775	6.123.278	67.356.053
5	Kiểm tra công tác nghiệm thu xây dựng công trình của cơ quan quản lý nhà nước (tạm tính)	23.484.197		23.484.197
<b>V</b>	<b>CHI PHÍ DỰ PHÒNG</b>	<b>142.981.295</b>	<b>13.824.787</b>	<b>156.806.082</b>
1	Dự phòng do phát sinh khối lượng	142.981.295	13.824.787	156.806.082
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.292.046.057</b>	<b>705.064.139</b>	<b>7.997.110.196</b>
	<b>LÀM TRÒN</b>			<b>7.997.110.000</b>
<i>Bảy tỷ chín trăm chín mươi bảy triệu một trăm mười nghìn đồng./.</i>				